HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11 /2022/NQ-HĐND	*Lạng Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (sau đây gọi chung là kỳ thi) trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn:

a) Các kỳ thi cấp quốc gia do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hoặc phối hợp tổ chức; các kỳ thi do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức: thi tuyển sinh các lớp đầu cấp phổ thông; thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi; thi chọn đội tuyển dự thi kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (cấp khu vực); thi giáo viên dạy giỏi; thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

b) Các kỳ thi do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức còn lại: thi giáo viên chủ nhiệm giỏi; thi khởi nghiệp; thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông; ngày hội Tiếng Anh; thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; thi sáng tạo kỹ thuật; Hội thao Giáo dục Quốc phòng An ninh; thi giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi và các kỳ thi khác theo yêu cầu của bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Các kỳ thi do Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc trường có cấp trung học phổ thông (giáo dục thường xuyên) chủ trì tổ chức: thi chọn học sinh giỏi; thi chọn đội tuyển dự thi kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; thi giáo viên dạy giỏi; thi giáo viên chủ nhiệm giỏi; thi khởi nghiệp; thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học; ngày hội Tiếng Anh; thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; thi sáng tạo kỹ thuật; Hội thao Giáo dục Quốc phòng An ninh; thi giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi và các kỳ thi khác theo yêu cầu của bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Quy định nội dung chi, mức chi

1. Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với các kỳ thi; mức chi ra đề thi đề xuất, đề thi chính thức; mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm; tiền công tập huấn các đội tuyển: theo phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

2. Nội dung chi, mức chi khác:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của giáo viên và học sinh đội tuyển tham dự kỳ thi cấp quốc gia (cấp khu vực); tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách); chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có), giáo viên và học sinh các đội tuyển trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi cấp quốc gia (cấp khu vực) thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly (tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách): mức chi bằng 150% mức chi quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

c) Chi đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập, hoàn thiện

câu hỏi trắc nghiệm thực hiện theo quy định về mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

3. Các nội dung chi và mức chi không quy định cụ thể tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

4. Mức chi quy định tại Nghị quyết này là mức chi tối đa và được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức tiền công cao nhất.

5. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: GD&ĐT, TC, LĐTB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

PHỤ LỤC

Nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh, cấp huyện kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	650.000	455.000
2	Phó Trưởng ban Thường trực	Đồng/người/ngày	600.000	420.000
3	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	550.000	385.000
4	Ủy viên, thư ký	Đồng/người/ngày	400.000	280.000

2. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng thi cấp tỉnh kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/ngày	550.000
2	Phó Chủ tịch	Đồng/người/ngày	500.000
3	Ủy viên	Đồng/người/ngày	400.000

3. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Ban/Tổ Thư ký

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cho kỳ thi thuộc		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
1	Trưởng ban/Tổ trưởng	Đồng/người/ngày	500.000	400.000	350.000
2	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Đồng/người/ngày	450.000	320.000	280.000
3	Ủy viên	Đồng/người/ngày	350.000	280.000	245.000

4. Chi cho Hội đồng/ Ban ra đề thi, in sao đề thi

4.1. Tiền công thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, in sao đề thi

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cho kỳ thi thuộc		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	550.000	440.000	385.000
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	500.000	400.000	350.000
c	Tổ trưởng ra đề	Đồng/người/ngày	450.000	360.000	315.000
d	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	400.000	320.000	280.000
e	Công an, kỹ thuật viên, phục vụ, bảo vệ, y tế làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	250.000	200.000	175.000
g	Ủy viên, thư ký làm việc không cách ly	Đồng/người/ngày	350.000	280.000	245.000
h	Công an, bảo vệ, phục vụ, y tế làm việc không cách ly	Đồng/người/ngày	200.000	160.000	140.000

4.2. Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cho kỳ thi thuộc		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
a	Chủ trì	Đồng/người/ngày	600.000	480.000	420.000
b	Các thành viên	Đồng/người/ngày	500.000	400.000	350.000

4.3. Mức chi ra đề đề xuất đối với đề tự luận

4.3.1	Đối với các kỳ thi:	Đơn vị tính	Mức chi
a	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông	Đồng/Đề theo phân môn	500.000
b	Thi tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở	Đồng/Đề theo phân môn	350.000
c	Thi chọn học sinh giỏi văn hoá cấp tỉnh	Đồng/Đề theo phân môn	600.000

d	Thi chọn học sinh giỏi văn hoá cấp huyện	Đồng/Đề theo phân môn	420.000
e	Thi chọn đội tuyển văn hoá dự thi cấp quốc gia	Đồng/Đề theo phân môn	700.000
g	Thi chọn đội tuyển văn hoá dự thi cấp tỉnh	Đồng/Đề theo phân môn	490.000
4.3.2	**Đối với các kỳ thi còn lại thuộc:**	**Đơn vị tính**	**Mức chi**
a	Điểm a khoản 1 Điều 1	Đồng/Đề	550.000
b	Điểm b khoản 1 Điều 1	Đồng/Đề	440.000
c	Điểm c khoản 1 Điều 1	Đồng/Đề	380.000

4.4. Mức chi ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm

4.4.1	**Đối với các kỳ thi:**	**Đơn vị tính**	**Mức chi**
a	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	600.000
b	Thi tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở	Đồng/người/ngày	420.000
c	Thi chọn học sinh giỏi văn hoá cấp tỉnh (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Đồng/người/ngày	650.000
d	Thi chọn học sinh giỏi văn hoá cấp huyện (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Đồng/người/ngày	450.000
e	Thi chọn đội tuyển văn hoá dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Đồng/người/ngày	700.000
g	Thi chọn đội tuyển văn hoá dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Đồng/người/ngày	490.000
4.4.2	**Đối với các kỳ thi còn lại thuộc:**	**Đơn vị tính**	**Mức chi**
a	Điểm a khoản 1 Điều 1	Đồng/người/ngày	600.000
b	Điểm b khoản 1 Điều 1	Đồng/người/ngày	480.000
c	Điểm c khoản 1 Điều 1	Đồng/người/ngày	420.000

4.5. Mức chi đối với xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cho kỳ thi thuộc		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	45.000	36.000	31.500
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	30.000	24.000	21.000
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	25.000	20.000	17.500
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	20.000	16.000	14.000
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	5.000	4.000	3.500

4.6. Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cho kỳ thi thuộc		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
a	Chủ trì	Đồng/người/ngày	600.000	480.000	420.000
b	Thành viên	Đồng/người/ngày	450.000	360.000	315.000

5. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi, bài thi

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cho kỳ thi thuộc		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	550.000	440.000	385.000

2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450.000	360.000	315.000
3	Ủy viên, công an	Đồng/người/ngày	400.000	280.000	245.000

6. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Ban Coi thi

Số TT	**Nội dung chi**	**Đơn vị tính**	**Mức chi cho kỳ thi thuộc**		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	550.000	440.000	385.000
2	Phó Trưởng ban Thường trực	Đồng/người/ngày	500.000	400.000	350.000
3	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450.000	360.000	315.000
4	Ủy viên, Thư ký Ban Coi thi	Đồng/người/ngày	400.000	320.000	280.000
5	Trưởng điểm	Đồng/người/ngày	400.000	320.000	280.000
6	Phó Trưởng Điểm	Đồng/người/ngày	350.000	280.000	245.000
7	Thư ký Điểm thi, Cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Đồng/người/ngày	300.000	240.000	210.000
8	Công an, bảo vệ, phục vụ, y tế, kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	200.000	160.000	140.000

7. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Ban/Tổ Làm phách

Số TT	**Nội dung chi**	**Đơn vị tính**	**Mức chi cho kỳ thi thuộc**		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
1	Trưởng ban/Tổ trưởng	Đồng/người/ngày	550.000	440.000	385.000
2	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Đồng/người/ngày	500.000	400.000	350.000
3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	400.000	320.000	280.000
4	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	250.000	200.000	175.000
5	Ủy viên, thư ký làm việc không cách ly	Đồng/người/ngày	350.000	280.000	245.000

6	Công an, bảo vệ, phục vụ, y tế làm việc không cách ly	Đồng/người/ngày	200.000	160.000	140.000

8. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban Chấm thi và xét kết quả (tự luận, trắc nghiệm, thi nói, thi thực hành, thi tin học, phúc khảo bài thi, thẩm định bài thi)

Số TT	**Nội dung chi**	**Đơn vị tính**	**Mức chi cho kỳ thi thuộc**		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
1	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	550.000	440.000	385.000
2	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Đồng/người/ngày	500.000	400.000	350.000
3	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450.000	360.000	315.000
4	Trưởng môn, Tổ trưởng	Đồng/người/ngày	400.000	320.000	280.000
5	Ủy viên/cán bộ chấm thi, chấm kiểm tra, thư ký, giám sát, kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	350.000	280.000	245.000
6	Công an, bảo vệ, phục vụ, y tế	Đồng/người/ngày	200.000	160.000	140.000

9. Chi tiền công tập huấn các đội tuyển

Số TT	**Nội dung chi**	**Đơn vị tính**	**Mức chi cho kỳ thi thuộc**		
			Điểm a khoản 1 Điều 1	Điểm b khoản 1 Điều 1	Điểm c khoản 1 Điều 1
9.1	*Tiền công tập huấn các đội tuyển (trừ cấp quốc gia, cấp khu vực)*				
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Đồng/người/ngày	75.000	67.500	60.000
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 thời gian biên soạn, 1/2 thời gian giảng dạy)	Đồng/người/ngày	450.000	405.000	360.000
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Đồng/người/ngày	500.000	450.000	400.000

	(1/2 thời gian biên soạn, 1/2 thời gian giảng dạy)				
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Đồng/người/ngày	100.000	90.000	80.000
9.2	*Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi cấp quốc gia (cấp khu vực)*				
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Đồng/người/ngày	100.000		
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 thời gian biên soạn, 1/2 thời gian giảng dạy)	Đồng/người/ngày	850.000		
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 thời gian biên soạn, 1/2 thời gian giảng dạy)	Đồng/người/ngày	900.000		
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Đồng/người/ngày	300.000		